

XEM VẬN MỆNH THEO BÁT TỰ - TỬ BÌNH

Thân chào Quý Cô Nguyễn Hồng Phúc, Chúng tôi xin gửi đến Quý Cô Nguyễn Hồng Phúc lá số Tử Trạ này và luận giải cùng Quý Cô những vấn đề mà Quý Cô đang quan tâm, Quý Cô hãy kiểm tra lại thông tin cá nhân 1 lần nữa, để chắc không bị nhầm lẫn, vì nhầm lẫn thông tin thì kết quả sẽ sai.

Xin lưu ý về phần lời giải: trong một số ít đoạn bình giải chúng tôi lập chung cho cả nam và nữ, do đó nếu người xem là phái nữ mà có lời giải là 'lấy được vợ đẹp' thì phải hiểu ngược lại là 'chồng đẹp' và đối với người nam cũng vậy. Do đó Quý Cô đừng nghĩ là lời giải bị sai mà không an tâm.

THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Họ Tên	Nguyễn Hồng Phúc
Ngày Sinh Dương	Thứ Ba, Ngày 12 Tháng 6 Năm 1984
Ngày Sinh Âm	Ngày Đinh Sửu, Tháng Canh Ngọ, Năm Giáp Tý (13/5/1984)
Tử Vi	Năm Giáp Tý, Tháng Canh Ngọ, Ngày Đinh Sửu, Giờ Giáp Thìn
Bát tự	Năm Giáp Tý, Tháng Canh Ngọ, Ngày Đinh Sửu, Giờ Giáp Thìn
Giờ Miền Nam	Sinh Từ 19/05/1975 về sau thì đúng UTC+7:00 trùng giờ Tử vi nên không cộng trừ gì cả
Giờ Sinh	Thìn (07:00)
Giới Tính	Nữ
Tuổi	Giáp Tý (41 tuổi)

Phái nữ: Nguyễn Hồng Phúc Năm Giáp Tý, Tháng Canh Ngọ, Ngày Đinh Sửu, Giờ Giáp Thìn

Trụ Năm	Trụ Tháng	Trụ Ngày	Trụ Giờ
Ấn	Tài	Nhật / Thực	Ấn
Giáp Tí	Canh Ngọ	Đình Sửu	Giáp Thìn
Quý	Đinh Kỷ	Kỷ Tân Quý	Mậu Quý Ất
Sát	Tì Thực	Thực Tài Sát	Thương Sát Kiêu
Tuyết	Kiến lộc	Mộ	Suy
Thái-cực	Thái-cực	Thiên-át	Hoa-cái
-	Lộc-thần	Văn-xương	-
-	Bạch HỔ	Dức QN	-
-	Đào-hoa	Âm dương-lệch	-
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Thực	Thương	Tì	Kiếp
Kỷ Ty	Mậu Thìn	Đình Mão	Bính Dần
Bính Canh Mậu	Mậu Quý Ất	Ất	Giáp Bính Mậu
Kiếp Tài Thương	Thương Sát Kiêu	Kiêu	Ấn Kiếp Thương
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Kiêu	Ấn	Sát	Quan
Ất Sửu	Giáp Tí	Quý Hợi	Nhâm Tuất
Kỷ Tân Quý	Quý	Nhâm Giáp	Mậu Đinh Tân
Thực Tài Sát	Sát	Quan Ấn	Thương Tì Tài

Dụng thần: Nhâm, Canh, Quý

Cung mệnh: cung mùi

Vòng Trường Sinh:

Tí	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Ty	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Mộc dục	Quan đới	Lâm quan	Đề vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyết	Thai	Dưỡng	Trường sinh

All rights reserved by www.XemTuong.net
Trụ năm bị năm Canh Ngọ thiên khắc địa xung.
Trụ tháng bị năm Bính Tí thiên khắc địa xung.
Trụ ngày bị năm Quý Mùi thiên khắc địa xung.
Trụ giờ bị năm Canh Tuất thiên khắc địa xung.
Thai nguyên: Tân Dậu.

Thai tức: Nhâm Tí.

1- Giáp Tí	2- Ất Sửu	3- Bính Dần	4- Đinh Mão	5- Mậu Thìn	6- Kỷ Tỵ
7- Canh Ngọ	8- Tân Mùi	9- Nhâm Thân	10- Quý Dậu	11- Giáp Tuất	12- Ất Hợi
13- Bính Tí	14- Đinh Sửu	15- Mậu Dần	16- Kỷ Mão	17- Canh Thìn	18- Tân Tỵ
19- Nhâm Ngọ	20- Quý Mùi	21- Giáp Thân	22- Ất Dậu	23- Bính Tuất	24- Đinh Hợi
25- Mậu Tí	26- Kỷ Sửu	27- Canh Dần	28- Tân Mão	29- Nhâm Thìn	30- Quý Tỵ
31- Giáp Ngọ	32- Ất Mùi	33- Bính Thân	34- Đinh Dậu	35- Mậu Tuất	36- Kỷ Hợi
37- Canh Tí	38- Tân Sửu	39- Nhâm Dần	40- Quý Mão	41- Giáp Thìn	42- Ất Tỵ
43- Bính Ngọ	44- Đinh Mùi	45- Mậu Thân	46- Kỷ Dậu	47- Canh Tuất	48- Tân Hợi
49- Nhâm Tí	50- Quý Sửu	51- Giáp Dần	52- Ất Mão	53- Bính Thìn	54- Đinh Tỵ
55- Mậu Ngọ	56- Kỷ Mùi	57- Canh Thân	58- Tân Dậu	59- Nhâm Tuất	60- Quý Hợi
61- Giáp Tí	62- Ất Sửu	63- Bính Dần	64- Đinh Mão	65- Mậu Thìn	66- Kỷ Tỵ
67- Canh Ngọ	68- Tân Mùi	69- Nhâm Thân	70- Quý Dậu	71- Giáp Tuất	72- Ất Hợi
73- Bính Tí	74- Đinh Sửu	75- Mậu Dần	76- Kỷ Mão	77- Canh Thìn	78- Tân Tỵ
79- Nhâm Ngọ	80- Quý Mùi	81- Giáp Thân	82- Ất Dậu	83- Bính Tuất	84- Đinh Hợi

Tháng chi cùng ngũ hành với ngày can (tỷ, kiếp): Ngày chủ cực vượng.

Trụ năm có chính ấn (ấn) nếu là hỷ dụng thần: thi sinh ở gia đình quyền quý, học tập thi cử đỗ đạt. Trường hợp có năm chính ấn và tháng chính quan thi tổ nghiệp thanh cao quyền quý. Trường hợp năm chính ấn tháng kiếp tài thì anh em được thừa kế tổ nghiệp.

Trụ tháng có chính tài là cần cù lao động hoặc được ân đức của bố mẹ. Trường hợp tọa kiến lộc hoặc cát thần quý nhân thì song thân có phúc được thừa kế di sản. Trường hợp tọa mộ: Kiệt sĩ như thần giữ cửa, tọa tuyệt không được vợ trợ giúp. Trường hợp tháng chính tài có giờ kiếp tài thì bố tốt phát đạt nhưng con thì xấu.

Trụ ngày có thực thần (thực) thì bạn đời béo khỏe tính cách ôn hòa được trợ giúp cuộc sống bình an, ổn định. Nếu tứ trụ có thiên ấn ((kiêu) mà không có thiên tài (tài) thì sự nghiệp làm ăn có đầu không đuôi, giữa đường trắc trở.

Trụ giờ có chính ấn (ấn) thì con cái thông minh nhân từ. Nếu can chi đều chính ấn thì thích mưu sự, không lo kế sinh nhai. Trường hợp tháng can có chính quan sinh ấn, giờ có chính ấn thì khi gặp năm vận quan ấn thì hiển vinh phát đạt. Nếu mệnh tọa vượng địa thì được con cái hạnh phúc có hiếu.

Năm chi và tháng chi xung: Không lợi cho mẹ cho nên mẹ có thể bị mất hoặc có thể xa cách. Nếu có quan sát hỗn tạp vào là khắc cả cha lẫn mẹ. Sống ở xa quê nhà.

Thiên ấn quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. a: Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. b: Gặp không vong hình xung khắc phá, hoặc ở vận yếu suy nhược tử tuyệt phúc có giảm, một đời vất vả. c: Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh. d: Ở kiến lộc thì thích về văn chương. e: Với Khôi chính cùng trụ thì khí thế hiên ngang, được người tôn kính lý lẽ phân minh. f: Với Kiếp sát cùng trụ thì mưu lược uy nghiêm.

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128) "Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ấn quý nhân. Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc. Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường. Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử."

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá. a: Hoa cái với sao ấn cùng chi (ấn là hỷ dụng thần) thì tài hoa. b: Gặp không vong hoặc hình xung phá hại: phá hại danh lợi hoặc làm tăng ni, làm vợ lẽ

hoặc bồn tẩu giang hồ. c: Hoa cái ở trụ ngày tạo vận mộ: khắc vợ, ở trụ giờ khắc con. d: Hoa cái gặp chính ấn ở vận vượng: quan tước cao, quyền vị lớn.

Lộc thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139): Lộc là tước lộc, nhờ có thể lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh. Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiến lộc, ở chi ngày gọi là chuyện lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc. Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khắc, lộc gặp thân yếu thì tài kỳ thấy khắc. Lộc mà từ suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên. Lộc sợ nhất là nhập không vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập không vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định đói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không. Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dần gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đình chức, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ. Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiến lộc là nghèo đến mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác. Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống dê (kiếp tài), nếu không sẽ khắc vợ (chồng), khắc cha. Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ấn sinh cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc. Nên tham khảo thêm. ..

Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143): Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dũng mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát. Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tứ trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chết chóc. Sát đi với thủy, hỏa phải đề phòng bỏng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đổ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ẩn thụ là tốt.

Hàm trì / Đào hoa: Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Âm dương lệch (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 163): Nữ gặp phải là chị em dâu không toàn vẹn, hoặc bị nhà chồng từ chối. Nam gặp phải là bị nhà vợ từ chối, hoặc cãi cọ mâu thuẫn với nhà vợ. Gặp phải sát này, bất kể nam hay nữ, tháng, ngày, giờ có hai hay ba cái trùng nhau là rất nặng. Trụ ngày phạm phải là chủ về không được gia đình chồng (vợ) ủng hộ, dù có được nhờ thì vẫn là hư vô, thậm chí về sau còn oán lẫn nhau, không đi lại nữa. Âm dương lệch nhau thì rất xấu, là tiêu chí thông tin rõ nhất về hôn nhân không thuận, trong thực tế rất ứng nghiệm.

Kiến lộc cách (ngoại cách): Trích sách Tử Bình Nhập Môn của Lâm Thế Đức trang 53. 10 Thiên can từ Giáp đến Quý mà sinh vào tháng thuộc Lộc như Giáp gặp Dần, Ất gặp Mão, Bính gặp Tỵ, Đinh gặp Ngọ, Mậu gặp Tỵ, Kỷ gặp Ngọ, Canh gặp Thân, Tân gặp Dậu, Nhâm gặp Hợi, Quý gặp Tí tất cả đều là Kiến Lộc cách. Vì sinh trong tháng Lộc nên Nhật nguyên đã cứng mạnh, không phải như các cách trên, phải nhờ có chi của năm, của ngày và của giờ giúp mới được mạnh. Có thể điều khiển được Tài, Quan, Thực, Thương, nếu phối hợp cho điều hòa thì ắt được thành công dễ dàng vậy. **VẬN HẠN:** 1. Tài nhiều mạnh, nên lấy Tỳ, Kiếp làm Dụng thần. Hạn gặp Ấn, Tỳ, Kiếp là vận tốt. Gặp Tài, Quan là vận xấu. 2. Tài tuy nhiều nhưng Nhật nguyên có Ấn, Tỳ, Kiếp giúp nên lấy Quan, Sát làm Dụng thần. Hạn gặp Quan, Sát là vận tốt. Gặp Ấn, Tỳ là vận xấu. 3. Tài tuy nhiều nhưng Nhật nguyên có Ấn giúp nên lấy Thương, Thực làm Dụng thần. Hạn gặp Thương, Thực, Tài là vận tốt. Gặp Ấn, Tỳ, Kiếp là vận xấu. 4. Quan, Sát nhiều và mạnh nên lấy Ấn làm Dụng thần. Hạn gặp Ấn, Tỳ, Kiếp là vận tốt. Gặp Tài, Quan là vận xấu. 5. Ấn nhiều nên lấy Tài làm Dụng thần. Hạn gặp Tài, Thương, Thực là vận tốt. Gặp Ấn, Tỳ là vận xấu. 6. Tỳ, Kiếp nhiều nên lấy, Quan, Sát làm dụng thần. Hạn gặp Quan, Sát, Tài là vận tốt. Gặp Ấn, Tỳ, Kiếp là vận xấu.

Trụ năm gặp chính ấn là cha mẹ hiền lành, hay làm điều thiện.

Chi năm chi tháng tương xung là không lợi cho mẹ như xa cách.

Trong tứ trụ có hai ấn là cha có hai đời vợ.

Mệnh kim sinh tháng tỵ, ngọ là hỏa khắc kim. Tượng cha mẹ không vẹn toàn mà phần nhiều là cha mất sớm hoặc xa cách cha tu* lúc còn nhỏ tuổi.

Trụ năm hoặc trụ tháng có tài là tổ nghiệp hưng thịnh.

Nữ ấn nhiều thì dâm loạn.

Nữ tứ trụ không có quan tinh, tức là "không phải vợ lẽ thì cũng vợ kế". Nên coi thêm thập thần trong can chi tàng độn nữa cho chắc.

Tuyệt chủ: thặng trầm đoạn tuyệt, hiếu sắc, không giữ lời hứa, xa cách người thân, phá sản, sống cô độc. Trụ năm có Tuyệt phải xa quê hương để lập nghiệp.

Lâm quan (Kiến lộc) chủ lương thiện, cung kính, khiêm nhường, cao thượng, thịnh phát, danh vọng, tài lộc, phong lưu, sống lâu, vinh hoa. Trụ tháng có lâm quan nữa đời sự nghiệp hưng vượng nhưng không ở tại quê quán. Nếu có Kiếp tài cùng trụ thì ham mê tửu sắc.

Mộ chủ: xa gia đình, suy bại, duyên phận bạc bẽo, bản hàn, lo buồn, lao khổ. Trụ ngày có mộ, xa gia đình từ nhỏ, thay đổi chỗ ở luôn, bất hòa với cha mẹ, anh em, nghèo hèn. Lớn lên gần về già, làm ăn hơi tiến nhưng lòng lúc nào cũng lo buồn. Lấy vợ đến hai lần. Riêng nữ mệnh vợ chồng bất hòa. Nếu sinh ngày Đinh Sửu hoặc Nhâm Thìn, vợ chồng ly dị. Mộ là chỗ chôn cất chứa giấu đi, tứ trụ có chi hình xung, với chi cột an mộ, Mộ sẽ dùng được. Trong trường hợp không có chi hình xung, gặp Tài là người keo bần, coi đồng tiền hơn cả tính mệnh, lúc nào cũng bo bo giữ lấy tiền, suốt đời là đầy tớ của tiền của, không dám ăn tiêu.

Suy chủ: ôn thuận, đạm bạc, yếu đuối, tinh thần bạc nhược, phá tài sản, tai ách, lỡ duyên, bất định. Trụ giờ có suy, con cái bất hiếu, khổ vì con.

Chính ấn (Ấn) ở ngôi con: là được vinh hiển nhờ con.

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cô đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cô. Quý Cô có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cô.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cô Nguyễn Hồng Phúc thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.
Trân Trọng.

XemTuong.net